ABBANK

CÔNG BỐ THÔNG TIN

TỶ LỆ AN TOÀN VỐN

Ngày 30 Tháng 06 Năm 2021

Nội dung

	Trang
Giới thiệu	**4**
Quy định về tỷ lệ an toàn vốn	**4**
Phạm vi công bố thông tin	**4**
Các chỉ số chính	**4**
Phạm vi tính toán tỷ lệ an toàn vốn	**5**
Cơ cấu vốn tự có	**5**
Tỷ lệ an toàn vốn	**6**
Quy trình tính tỷ lệ an toàn vốn	**6**
Kế hoạch vốn	**6**
Rủi ro tín dụng	**7**
Chính sách quản lý rủi ro tín dụng	**7**
Xếp hạng tín nhiệm độc lập sử dụng khi tính CAR	**9**
Giảm thiểu rủi ro tín dụng	**11**
Rủi ro hoạt động	**12**
Chính sách quản lý rủi ro hoạt động	**12**
Kế hoạch duy trì hoạt động liên tục	**13**
Rủi ro thị trường	**14**
Chính sách quản lý rủi ro thị trường	**14**
Chiến lược tự doanh	**14**
Danh mục thuộc sổ kinh doanh	**15**

Bảng

	Trang
Bảng 1: Cơ cấu Vốn tự có	**5**
Bảng 2: Tỷ lệ an toàn vốn	**6**
Bảng 3: TSCRR tín dụng theo loại khoản phải đòi	**8**
Bảng 4: TSCRR tín dụng đối tác theo loại sản phẩm	**8**
Bảng 5: TSCRR tín dụng theo ngành	**9**
Bảng 6: TSCRR tín dụng theo XHTNĐL cho các TCTC trong nước	**10**
Bảng 7: TSCRR tín dụng theo XHTNĐL cho các TCTC nước ngoài	**10**
Bảng 8: TSCRR tín dụng trước và sau áp dụng CRM	**11**
Bảng 9: Vốn yêu cầu cho RRHĐ	**13**
Bảng 10: Vốn yêu cầu cho RRTT	**15**

Danh mục viết tắt

CAR	Tỷ lệ an toàn vốn
ICAAP	Quy trình đánh giá nội bộ về mức đủ vốn
CRM	Credit risk mitigation – giảm thiểu rủi ro tín dụng
ĐCTC	Định chế tài chính
ECAIs	External Credit Assessment Institution – Cơ quan xếp hạng tín dụng độc lập
HSRR	Hệ số rủi ro
NHNN	Ngân hàng nhà nước Việt Nam
RRTD	Rủi ro tín dụng
RRHĐ	Rủi ro hoạt động
RRTT	Rủi ro thị trường
TCTD	Tổ chức tín dụng
TPCP	Trái phiếu chính phủ
TSCRR	Tài sản có rủi ro
XHTDĐL	Xếp hạng tín dụng độc lập
XHTDNB	Xếp hạng tín dụng nội bộ

Giải thích thuật ngữ

TSCRR tín dụng	Là tổng tài sản có chịu rủi ro tín dụng của ABBANK, không bao gồm rủi ro tín dụng đối tác
Thông tư 41	Thông tư 41/2016/TT-NHNN quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng
Thông tư 35	Thông tư 35/2015/TT-NHNN quy định Chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các TCTD
Thông tư 13	Thông tư 13/2018/TT-NHNN Quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Giới thiệu

Quy định về tỷ lệ an toàn vốn

Kể từ 1/1/2020, ABBANK chính thức tuân thủ tiêu chuẩn Basel quy định theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN ngày 31/12/2016 (Thông tư 41), quy định về tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng. Theo đó, ABBANK thực hiện tính toán, TSCRR và yêu cầu về vốn tối thiểu theo Phương pháp tiếp cận tiêu chuẩn, từ đó tính toán tỷ lệ an toàn vốn (CAR).

Thông tư 41 cũng yêu cầu các ngân hàng thực hiện công bố thông tin tỷ lệ an toàn vốn và khung chính sách quản trị rủi ro định kỳ 6 tháng 1 lần.

Việc công bố thông tin theo quy định của Thông tư 41 nhằm cung cấp cho các bên liên quan (nhà đầu tư, khách hàng, đối tác, cơ quan quản lý,…) thông tin minh bạch về trạng thái vốn, giá trị tài sản có rủi ro cũng như khung quản lý rủi ro của ngân hàng, từ đó đánh giá được mức độ đủ vốn và năng lực quản trị rủi ro của ABBANK.

Phạm vi công bố thông tin

Báo cáo công bố thông tin về tỷ lệ an toàn vốn cung cấp thông tin định lượng và định tính, được xây dựng theo quy định tại Điều 20 và Phụ lục 5 của Thông tư 41, bao gồm: (1) Vốn tự có, (2) Tài sản có rủi ro của 3 loại rủi ro chính và (3) Khung quản lý rủi ro.

Báo cáo này được xây dựng dựa theo quy định công bố thông tin của ABBBank và được đăng tải 6 tháng một lần tại website của ngân hàng: https://www.abbank.vn.

Thông tin công bố được đối chiếu với báo cáo tài chính đã kiểm toán cùng kỳ.

Kỳ công bố tỷ lệ an toàn vốn kỳ này tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 Trong báo cáo này, thuật ngữ “yêu cầu về vốn” và “vốn yêu cầu” được hiểu là tổng vốn yêu cầu tối thiểu được quy định ở mức 8% của TSCRR theo Điều 6, Thông tư 41.

Các chỉ số chính

Đơn vị: tỷ đồng

Riêng lẻ		*Hợp nhất*	
CAR	**11.58%**	CAR	**11.35%**
CAR cấp 1	**11.10%**	CAR cấp 1	**10.86%**
Tổng vốn tự có hợp lệ	**10.127**	Tổng vốn tự có hợp lệ	**9.948**
Tổng TSCRR	**87.437**	Tổng TSCRR	**87.657**
HSRR tín dụng bình quân	**83%**	HSRR tín dụng bình quân	**83%**

Phạm vi tính toán tỷ lệ an toàn vốn

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Ngân hàng có hai công ty con như sau:

Tên công ty	Giấy phép đăng ký kinh doanh	Lĩnh vực hoạt động	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản - Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình ("ABBA")	Giấy phép Kinh doanh số 0104009199 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 1 năm 2010	Quản lý tài sản	100%
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Bảo vệ ABBA ("ABBAS") (*)	Giấy phép Kinh doanh số 0106112803 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 2 năm 2013	Dịch vụ bảo vệ	100%

(*) ABBAS được sở hữu gián tiếp bởi Ngân hàng thông qua ABBA.

Số liệu các công ty con này được hợp nhất với công ty mẹ và trình bày trên báo cáo hợp nhất của ABBANK.

Tại ngày 30/06/2021 ABBANK không có khoản đầu tư vào công ty con là doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm không được hợp nhất vào vốn khi tính tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất.

Cơ cấu vốn tự có

Đơn vị: tỷ đồng

Tại 30/06/2021, ABBank không phát sinh công cụ vốn chủ sở hữu có tính chất nợ

Bảng 1: Cơ cấu Vốn tự có		*Riêng lẻ*	*Hợp nhất*
A1	Vốn cấp 1	9.706	9.519
A2	Các khoản phải trừ khỏi Vốn cấp 1	-	-
A	**Tổng Vốn cấp 1 (A = A1-A2)**	**9.706**	**9.519**
B1	Vốn cấp 2	791	793
B2	Các khoản phải trừ khỏi Vốn cấp 2	240	240
B	**Tổng Vốn cấp 2 (B=B1-B2)**	**551**	**553**
C	**Các khoản mục giảm trừ khi tính vốn tự có**	**130**	**124**
D	**Vốn tự có (D=A+B-C)**	**10.127**	**9.948**

Tỷ lệ an toàn vốn

Quy trình tính tỷ lệ an toàn vốn

ABBANK là ngân hàng đầu tiên triển khai thành công hệ thống tính toán CAR theo yêu cầu của Thông tư 41 trên nền tảng OFSAA do Oracle cung cấp (hệ thống CAR). Sự đầu tư này thể hiện cam kết của quản lý cấp cao với định hướng quản trị theo thông lệ tiên tiến.

Hệ thống CAR cho phép ABBANK tự động hóa trong quá trình tính toán CAR&RWA, giảm thiểu các rủi ro tác nghiệp, đảm bảo tính chính xác và kịp thời của kết quả đầu ra. Bên cạnh đó, hệ thống CAR nâng cao hiệu quả giám sát chất lượng danh mục Tài sản có theo các chiều riêng biệt (danh mục, sản phẩm,v.v.) nhằm hỗ trợ cho công tác điều hành và quản lý CAR.

Hiện nay, hệ thống được vận hành định kỳ hàng tháng và đột xuất theo yêu cầu của quản lý cấp cao.

Để vận hành hệ thống hiệu quả, ABBANK đã ban hành Quy định tính toán, báo cáo và quản lý tỷ lệ an toàn vốn quy định quy trình chi tiết để vận hành hệ thống, báo cáo kết quả và quản lý CAR; bao gồm vai trò, chức năng, nhiệm vụ của các bên liên quan trong quy trình này.

Kế hoạch vốn

Trong quy trình đánh giá mức đủ vốn nội bộ (ICAAP) năm 2020 theo quy định của Thông tư 13, ABBANK xây dựng kế hoạch vốn dựa trên kế hoạch kinh doanh trung hạn và khẩu vị rủi ro nhằm đảm bảo đáp ứng Vốn mục tiêu của ABBANK trong các năm tiếp theo.

Năm 2021, ABBANK có kế hoạch chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tổng mệnh giá 1.142 tỷ đồng. Ngoài ra, ABBANK chào bán cổ phiếu cho CBNV theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) với tổng mệnh giá 114 tỷ đồng.

Đơn vị: tỷ đồng

Bảng 2: Tỷ lệ an toàn vốn		*Riêng lẻ*	*Hợp nhất*
A	**Tổng giá trị Tài sản có rủi ro**	**87.437**	**87.657**
	Tài sản tính theo rủi ro tín dụng	76.449	76.421
	Tài sản tính theo rủi ro tín dụng đối tác	1.478	1.478
	Tài sản tính theo rủi ro hoạt động	7.662	7.910
	Tài sản tính theo rủi ro thị trường	1.848	1.848
B	**Tổng vốn tự có hợp lệ**	**10.127**	**9.948**
	Vốn cấp 1 (sau giảm trừ)	9.706	9.519
	Vốn cấp 2 (sau giảm trừ)	551	553
	Các khoản trừ khác	130	124
C	**Yêu cầu vốn tối thiểu và các tỷ lệ vốn**		
	Tỷ lệ vốn cấp 1	11.10%	10.86%
	Tỷ lệ an toàn vốn	**11.58%**	**11.35%**

Rủi ro tín dụng

Chính sách quản lý rủi ro tín dụng

Chính sách quản lý rủi ro tín dụng (RRTD) do HĐQT ban hành là một cấu phần trong Chính sách quản lý rủi ro tổng thể của Ngân hàng, được xây dựng dựa trên các yêu cầu của cơ quan quản lý, và cụ thể hóa với đặc điểm kinh doanh của ABBANK. Chính sách quản lý RRTD đưa ra các nguyên tắc và cơ sở cho hoạt động quản lý RRTD tại ABBANK gồm:

- Sự giám sát của quản lý cấp cao;
- Quản lý RRTD theo mô hình 3 tuyến phòng vệ, đảm bảo nhận diện, đo lường, giám sát và báo cáo rủi ro;
- Hoạt động tín dụng thực hiện theo định hướng tín dụng và quy trình tín dụng trong khuôn khổ chiến lược quản lý RRTD;
- Xây dựng, và quản trị các mô hình, hệ thống đo lường RRTD tiệm cận với các thông lệ tiên tiến.

Chiến lược quản lý RRTD

Căn cứ Chính sách quản lý RRTD, khẩu vị rủi ro và danh mục tín dụng, chiến lược quản lý RRTD nhằm:

- Thiết lập các chỉ tiêu giới hạn liên quan để kiểm soát rủi ro và tối ưu hóa lợi nhuận, đảm bảo các tỷ lệ theo quy định nội bộ và quy định hiện hành.
- Xác định chi phí bù đắp RRTD trên cơ sở sản phẩm, tài sản bảo đảm và kết quả xếp hạng của khách hàng, đối tác.

Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ

Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ (XHTDNB) được xây dựng để đo lường mức độ rủi ro của khách hàng theo định kỳ hoặc khi cần thiết thông qua mức xếp hạng tín dụng.

Kết quả XHTDNB là một trong các cơ sở để xét duyệt cấp tín dụng, quản lý chất lượng tín dụng, xây dựng chính sách dự phòng rủi ro phù hợp với phạm vi hoạt động và tình hình thực tế của Ngân hàng.

Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất, hệ thống XHTDNB được xem xét, sửa đổi, bổ sung trên cơ sở số liệu, thông tin khách hàng thu thập được trong năm.

Đo lường, theo dõi và kiểm soát RRTD

ABBANK sử dụng mô hình đo lường tổn thất để đo lường rủi ro tín dụng.

RRTD được theo dõi trong suốt vòng đời của giao dịch tín dụng từ khâu xem xét, thẩm định, phê duyệt và quản lý tín dụng để đảm bảo hoạt động cấp tín dụng tuân thủ quy định của pháp luật và quy định nội bộ của ABBANK.

RRTD được kiểm soát chặt chẽ, theo chiến lược quản lý RRTD, góp phần giảm thiểu RRTD của ABBANK.

Cơ chế trao đổi thông tin về quản lý RRTD được thiết lập theo nhiều chiều (top-down, bottom-up và giữa các bộ phận liên quan), đảm bảo mọi cá nhân ở tất cả các cấp, các bộ phận được thông báo, phổ biến, nhận thức thống nhất, đầy đủ về chính sách, quy trình, mục tiêu quản lý RRTD.

Đơn vị: tỷ đồng

Bảng 3: TSCRR tín dụng theo loại khoản phải đòi	Riêng lẻ	Hợp nhất
Tài sản là khoản phải đòi	**73.266**	**73.300**
Nợ xấu	1.928	1.928
Khoản phải đòi Chính phủ	244	244
Khoản phải đòi Định chế tài chính	4.620	4.632
Khoản đòi doanh nghiệp	43.252	43.252
Khoản cho vay đảm bảo bằng bất động sản (*)	77	77
Khoản cho vay thế chấp nhà ở	8	8
Khoản phải đòi Bán lẻ	23.103	23.103
Khoản phải đòi khác	34	56
Các loại tài sản khác	**3.183**	**3.121**
Tổng TSCRR tín dụng	**76.449**	**76.421**

(*): Bao gồm cả doanh nghiệp và cá nhân; trừ khoản phải đòi thế chấp nhà ở cá nhân khoản cho vay chuyên biệt tài trợ dự án kinh doanh bất động sản

Bảng 4: TSCRR tín dụng đối tác theo loại sản phẩm (*)	Riêng lẻ	Hợp nhất
Giao dịch tự doanh	1.150	1.150
Giao dịch repo và giao dịch reserve repo	103	103
Giao dịch sản phẩm phái sinh để phòng ngừa rủi ro	15	15
Giao dịch mua bán ngoại tệ, tài sản tài chính	210	210
Tổng TSCRR tín dụng đối tác	**1.478**	**1.478**

(*): TSCRR tín dụng đối tác chỉ phát sinh với các khoản phải đòi là định chê tài chính trong nước

TSCRR theo ngành

Hoạt động tín dụng của ABBANK được đa dạng hóa trên hầu khắp các ngành để đảm bảo giảm thiểu rủi ro tín dụng tập trung, tuy nhiên vẫn tập trung ở các ngành chính sau:

- Dịch vụ cá nhân;
- Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác
- Xây dựng;
- Công nghiệp chế biến, chế tạo;
- Nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản;

Thông tin về các ngành nghề kinh tế được phân bổ theo danh sách ngành nghề theo quy định của Thông tư 35/2015/TT-NHNN quy định về chế độ báo cáo thống kê với các tổ chức tín dụng.

Đơn vị: tỷ đồng

Bảng 5: TSCRR tín dụng theo ngành	Riêng lẻ	Hợp nhất
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản	1.994	1.994
Công nghiệp chế biến, chế tạo	4.108	4.108
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	6.131	6.131
Xây dựng	10.450	10.450
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	10.009	10.015
Vận tải kho bãi	1.644	1.644
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	6.181	6.185
Hoạt động sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	3.110	3.110
Hoạt động kinh doanh bất động sản	4.804	4.804
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	1.255	1.255
Dịch vụ cá nhân	20.649	20.650
Ngành khác	6.114	6.075
Tổng TSCRR tín dụng theo ngành	**76.449**	**76.421**

Xếp hạng tín nhiệm độc lập được sử dụng khi tính CAR

Thông tư 41 yêu cầu sử dụng kết quả xếp hạng độc lập (XHTNĐL) do các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập (ECAIs) cung cấp, để xác định hệ số rủi ro (HSRR) cho các loại khoản phải đòi sau:

- Chính quyền trung ương và các ngân hàng trung ương nước ngoài;
- Tổ chức công lập chính phủ và chính quyền địa phương các nước;
- Tổ chức tài chính (TCTC).

ABBANK sử dụng một cách nhất quán, theo thứ tự ưu tiên, kết quả XHTNĐL của ba ECAIs sau:

1. **Moody's Investor Service;**
2. **Standard and Poor's**
3. **Fitch Rating.**

Các ECAIs này đều thỏa mãn yêu cầu của NHNN theo quy định tại Điều 5, Thông tư 41 về:

- Tính khách quan;
- Tính độc lập;
- Tính minh bạch ;
- Tính công khai;
- Năng lực;
- Độ tin cậy.

Tại thời điểm 30/06/2021, ABBANK:

- Không có các khoản phải đòi của chính quyền và ngân hàng trung ương nước ngoài cũng như các khoản phải đòi của tổ chức công lập chính phủ và chính quyền địa phương nước ngoài;
- Chỉ các khoản phải đòi TCTC nước ngoài trên cơ sở riêng lẻ;
- Có các khoản phải đòi TCTC trong nước trên cả cơ sở riêng lẻ và hợp nhất.

Đơn vị: tỷ đồng

Bảng 6: TSCRR tín dụng theo XHTNĐL cho các TCTC trong nước		*HSRR*	*Riêng lẻ*	*Hợp nhất*
Khoản phải đòi có thời hạn ban đầu từ 3 tháng trở lên	AAA đến AA-	20%	-	-
	A+ đến BBB-	50%	-	-
	BB+ đến BB-	80%	-	-
	B+ đến B-	100%	556	556
	Dưới B- hoặc Không có xếp hạng	150%	716	722
	Tổng		**1.272**	**1.278**
Khoản phải đòi có thời hạn ban đầu dưới 3 tháng	AAA đến AA-	10%	-	-
	A+ đến BBB-	20%	-	-
	BB+ đến BB-	40%	1.164	1.164
	B+ đến B-	50%	1.663	1.669
	Dưới B- hoặc Không có xếp hạng	70%	161	161
	Tổng		**2.988**	**2.994**

Bảng 7: TSCRR tín dụng theo XHTNĐL cho các TCTC nước ngoài	*HSRR*	*Riêng lẻ*	*Hợp nhất*
AAA đến AA-	20%	-	-
A+ đến BBB-	50%	359	359
BB+ đến B-	100%	-	-
Dưới B- hoặc Không có xếp hạng	150%	-	-
Tổng		**359**	**359**

Giảm thiểu rủi ro tín dụng

Trong số các biện pháp giảm thiểu RRTD (CRM) hợp lệ theo quy định của Thông tư 41, hiện tại, ABBANK chưa sử dụng các biện pháp giảm thiểu RRTD sau:

- Bảo lãnh của bên thứ ba;
- Sản phẩm phái sinh tín dụng.

Với biện pháp CRM bằng tài sản đảm bảo (TSĐB), các TSĐB hợp lệ theo quy định gồm:

- Tiền mặt, giấy tờ có giá, thẻ tiết kiệm do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát hành;
- Vàng (vàng tiêu chuẩn, vàng vật chất, vàng trang sức với giá trị được chuyển đổi giá trị sang vàng 99.99);
- Giấy tờ có giá do Chính phủ Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước phát hành hoặc bảo lãnh thanh toán;
- Chứng khoán nợ do chính phủ các nước, tổ chức công lập của chính phủ các nước phát hành được doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm độc lập xếp hạng từ BB- trở lên;
- Chứng khoán nợ do doanh nghiệp phát hành được doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm độc lập xếp hạng từ BBB- trở lên;
- Cổ phiếu được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh và Hà Nội;

Quy định về CRM bằng TSĐB và bù trừ nội bảng thực hiện theo Chính sách đánh giá chất lượng Tài sản Có và tuân thủ tỷ lệ an toàn vốn của ABBANK và được tham số hóa trên hệ thống CAR.

Đơn vị: tỷ đồng

Bảng 8: TSCRR tín dụng trước và sau áp dụng CRM	*RWA trước khi áp dụng CRM(*)*	*Giá trị CRM*	*RWA sau khi áp dụng CRM*
Khoản phải đòi Chính phủ	244	-	244
Khoản phải đòi Định chế tài chính	10,088	12,958	4,620
Khoản phải đòi doanh nghiệp	41,648	2,297	38,773
Khoản cho vay đảm bảo bằng bất động sản	77	-	77
Khoản cho vay thế chấp nhà ở	8	-	8
Khoản phải đòi Bán lẻ	29,322	7,856	21,728
Nợ xấu	1,912	28	1,885
Các loại tài sản khác	3,217	-	3,217
Tài sản ngoại bảng	5,897	-	5,897
Tổng Cộng	**92,413**	**23,139**	**76,449**

(*): Gồm cả nội bảng và ngoại bảng

Rủi ro hoạt động

Chính sách quản lý rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động (RRHĐ) là loại hình rủi ro có khả năng phát sinh tại hầu hết mọi mặt hoạt động của ngân hàng, có sự kết nối với phần lớn các nguyên nhân gây ra những loại rủi ro khác, do đó mức độ tác động và những nguy cơ tổn thất từ RRHĐ thường khá nghiêm trọng. Để quản lý hiệu quả, và phòng ngừa, giảm thiểu các tác động của RRHĐ đối với hoạt động kinh doanh, ABBANK đã xây dựng và áp dụng đồng bộ các công cụ quản lý RRHĐ trên toàn hệ thống theo các thông lệ quốc tế và đáp ứng yêu cầu của NHNN.

Chiến lược quản lý RRHĐ

Chiến lược quản lý RRHĐ tại ABBANK tập trung vào việc tăng cường khả năng nhận diện, kiểm soát và quản lý đối với những rủi ro trọng yếu, dựa trên các nguyên tắc:

- Văn hóa quản lý rủi ro: Được thực hiện thống nhất và xuyên suốt trên toàn Ngân hàng, trong đó HĐQT và BĐH giữ vai trò chủ chốt trong việc truyền tải thông điệp và thực thi các biện pháp nhằm nâng cao nhận thức về quản lý rủi ro đối với toàn thể cán bộ nhân viên.
- Cơ cấu tổ chức quản lý RRHĐ: Được xây dựng theo mô hình ba tuyến phòng vệ, đảm bảo tính hiệu quả trong quá trình nhận diện và đánh giá rủi ro, tính độc lập trong giám sát và giảm thiểu rủi ro. Bao gồm:

✓ **Tuyến phòng vệ thứ nhất:** Các Đơn vị kinh doanh, các Khối kinh doanh và Đơn vị hỗ trợ kinh doanh chịu trách nhiệm chính trong việc nhận diện và đánh giá rủi ro tại Đơn vị, đồng thời báo cáo kịp thời và đầy đủ về hiệu quả của các chốt kiểm soát nội bộ đối với những rủi ro đó.

✓ **Tuyến phòng vệ thứ hai:** Các Đơn vị giám sát và quản lý rủi ro tập trung tại Hội sở, có chức năng chính trong việc xây dựng chính sách/ quy trình và thực thi các công cụ quản lý RRHĐ.

✓ **Tuyến phòng vệ thứ ba:** Kiểm toán nội bộ với vai trò đánh giá độc lập để đưa ra những kiến nghị khắc phục, cải tiến quy trình quản lý RRHĐ, nhằm đảm bảo tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.

Đo lường, theo dõi và kiểm soát RRHĐ

ABBANK đã xây dựng và không ngừng kiện toàn hệ thống công cụ quản lý và văn bản RRHĐ, đảm bảo khả năng nhận diện, đo lường, giám sát, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro phát sinh.

- Các công cụ đo lường, quản lý RRHĐ của ABBANK có sự đa dạng và bổ trợ lẫn nhau, bao gồm: Thống kê và quản lý sự cố tổn thất (IMDC), Tự đánh giá và kiểm soát rủi ro (RCSA), Các chỉ số rủi ro chính yếu (KRIs),…
- Hệ thống văn bản tập trung vào việc xây dựng và hoàn thiện chính sách, chiến lược, khẩu vị và hạn mức cho RRHĐ

Quy trình quản lý RRHĐ

Quy trình quản lý RRHĐ bao gồm bốn bước Nhận diện rủi ro, Đánh giá và đo lường rủi ro, Kiểm soát và giảm thiểu rủi ro, Giám sát và báo cáo rủi ro, nhằm đảm bảo mỗi rủi ro nhận diện được báo cáo, cập nhật thường xuyên đến Lãnh đạo cấp cao, để kịp thời triển khai các biện pháp giảm thiểu tổn thất, duy trì hoạt động kinh doanh tại Ngân hàng.

Kế hoạch duy trì hoạt động liên tục

Công tác đảm bảo duy trì hoạt động kinh doanh (BCP) là một trong những nội dung trọng tâm, ABBANK đã và đang triển khai đồng bộ các nguyên tắc trong việc tổ chức và quản lý BCP, giúp hoạt động kinh doanh của Ngân hàng được duy trì một cách liên tục, xuyên suốt. Cụ thể:

- ABBANK đã thành lập Ban chỉ đạo sự cố khủng hoảng với thành viên thường trực bao gồm quản lý cấp cao, cùng sự tham gia điều phối của các nhân sự chuyên trách liên quan đến vấn đề về BCP, quản lý nhân sự, quản lý tài sản,…với mục tiêu thiết lập một cơ chế ứng trực thường xuyên và phản ứng nhanh trước những sự cố khủng hoảng.
- Việc đánh giá mức độ ảnh hưởng của sự cố (BIA) được nghiên cứu, thực hiện một cách chặt chẽ, đảm bảo phương án ứng phó trước tình huống khẩn cấp, các sự cố RRHĐ.
- Hoạt động cảnh báo sự cố thiên tai thông qua kênh truyền thông nội bộ, cơ chế tiếp nhận thông tin và hỗ trợ xử lý sự cố khủng hoảng được thiết lập và vận hành xuyên suốt 24/7.
- ABBANK đã xây dựng và triển khai kịch bản xử lý dự phòng rủi ro trong các trường hợp phát sinh sự cố công nghệ thông tin (DRP), theo đó, các kế hoạch DRP được phối hợp đồng bộ với BCP nhằm đảm bảo cơ chế phản ứng kịp thời trước các sự cố, đảm bảo yếu tố dự phòng công nghệ thông tin vận hành an toàn và liên tục.
- Hoạt động diễn tập được thực hiện định kỳ hàng năm, đảm bảo mỗi cá nhân liên quan nắm rõ vai trò và chủ động phối hợp trong công tác ứng phó.

Thời gian vừa qua, trước những diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19, cơ chế xử lý khủng hoảng của ABBANK được kích hoạt và vận hành thường xuyên, giúp các biện pháp ứng phó với dịch bệnh được triển khai kịp thời, nhanh chóng, đồng bộ, đảm bảo an toàn sức khỏe của cán bộ nhân viên, khách hàng, duy trì hoạt động kinh doanh phục vụ nhu cầu của khách hàng.

Đơn vị: tỷ đồng

Bảng 9: Vốn yêu cầu cho RRHĐ	*Riêng lẻ*	*Hợp nhất*
IC (Thu nhập ròng từ lãi)	7.144	7.258
SC (Thu nhập ròng từ dịch vụ)	2.468	2.733
FC (Lãi/lỗ từ hoạt động Khối nguồn vốn)	2.647	2.665
BI (Chỉ số kinh doanh)	12.259	12.656
Vốn yêu cầu cho RRHĐ	**613**	**633**
Tài sản tính theo rủi ro hoạt động	**7.662**	**7.910**

Rủi ro thị trường

Chính sách quản lý rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường (RRTT) tại ABBANK bao gồm rủi ro lãi suất trên sổ kinh doanh và rủi ro ngoại hối.

Chiến lược quản lý RRTT

Chiến lược quản lý RRTT của ABBANK thể hiện qua việc kiểm soát tốt mức vốn phân bổ cho rủi ro thị trường do TGĐ ban hành trên cơ sở khẩu vị rủi ro do HĐQT phê duyệt, gồm:

- Hạn mức giao dịch đối với từng giao dịch viên;
- Hạn mức cắt lỗ (Stop loss);
- Hạn mức độ nhạy đối với sự thay đổi của lãi suất (PV01);
- Hạn mức giá trị chịu rủi ro tối đa;
- Hạn mức tổng trạng thái nắm giữ….

Đo lường RRTT

RRTT được đo lường thông qua các giá trị chịu rủi ro bằng cách sử dụng các phương pháp đo lường như VaR, cũng như các giới hạn tiền tệ, bao gồm trạng thái mở/đóng theo từng loại tiền tệ, các chốt chặn kiểm soát, độ nhạy đối với sự thay đổi lãi suất và dịch chuyển điểm cơ bản và kiểm tra sức chịu đựng, hạn mức giao dịch viên.

Tất cả các mô hình được kiểm soát chặt chẽ, kiểm thử, kiểm định độc lập và cập nhật theo chính sách do HĐQT phê duyệt.

Theo dõi và kiểm soát RRTT

RRTT được kiểm soát thông qua các biện pháp bao gồm thiết lập và cập nhật thường xuyên kế hoạch tự doanh, thực hiện giao dịch thông qua hệ thống CNTT tiên tiến, rà soát các giao dịch được đề xuất so với các hạn mức được phê duyệt trước khi thực hiện, thiết lập một bộ nguyên tắc, quy định đầy đủ, nghiêm ngặt và được phổ biến cụ thể đến đội ngũ nhân viên tại các bộ phận front, middle và back office cũng như bộ phận quản lý rủi ro.

Chiến lược tự doanh

Chiến lược tự doanh ngoại tệ

Dựa trên khẩu vị rủi ro và phân tích diễn biến của các biến số bằng các công cụ dự báo, bộ phận tự doanh ngoại hối kinh doanh các giao dịch mua/bán sản phẩm ngoại hối, vàng và phái sinh ngoại hối, lãi suất để thu lợi nhuận cho ngân hàng bao gồm nhưng không hạn chế:

- Tự doanh cặp ngoại tệ USD/VND: giao dịch trong hạn mức cho phép căn cứ chênh lệch giá trên thị trường
- Mua bán cặp ngoại tệ G7: dựa trên biến động các cặp ngoại tệ
- Giao dịch các sản phẩm phái sinh: căn cứ trên biến động tỷ giá, lãi suất và chênh lệch kì hạn.

Chiến lược tự doanh các công cụ thu nhập cố định (FI)

Dựa trên phân tích và nhận định thị trường, khẩu vị rủi ro, nguồn lực, quy mô của ABBANK, bộ phận tự doanh FI thực hiện các giao dịch tự doanh Trái phiếu Chính phủ, Trái phiếu Chính phủ

bảo lãnh, Trái phiếu Chính quyền địa phương (TPCP), các công cụ tài chính có lãi suất khác với chiến lược kinh doanh linh hoạt:

- Chiến lược mua bán ngắn hạn: (1) dựa trên sự biến động của lợi suất TPCP để thu lợi nhuận từ chênh lệch giữa giá mua và giá bán, (2) dựa trên biến động giá trái phiếu tương lai để đóng/mở trạng thái.
- Chiến lược Carry trade ngắn hạn: dựa trên chênh lệch giữa lợi suất trái phiếu và chi phí vốn khi đầu tư để thực hiện việc mua vào trái phiếu, nắm giữ và bán ra sau 1 thời gian xác định để thu lợi nhuận.
- Chiến lược mua bán ngắn hạn với các công cụ tài chính có lãi suất khác: mua bán ngắn hạn nhằm thu lợi nhuận từ chênh lệch giá.

Danh mục thuộc sổ Kinh doanh

ABBANK đã ban hành Quy chế quản lý sổ Kinh doanh và sổ gân hàng theo đó, các khoản mục được xác định vào sổ Kinh doanh phải thỏa mãn một trong các mục đích kinh doanh:

- Thu lợi nhuận từ biến động giá trong ngắn hạn;
- Thu lợi nhuận từ kinh doanh chênh lệch giá;
- Phòng ngừa các rủi ro thị trường;
- Không bị hạn chế về khả năng mua, bán theo bất kỳ quy định nào của pháp luật và của của ABBANK;
- Có chiến lược tự doanh được ban hành theo thời kỳ của ABBANK;
- Có bộ phận kinh doanh chuyên trách trực tiếp thực hiện giao dịch;
- Có khả năng phòng ngừa rủi ro thị trường một cách đầy đủ.

Sổ kinh doanh ghi nhận các trạng thái của:

- TPCP, TPCP bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- Giao dịch hợp đồng tương lai TPCP;
- Giao dịch mua/bán ngoại tệ giao ngay, giao dịch mua/bán ngoại tệ kỳ hạn, giao dịch hoán đổi ngoại tệ;
- Giao dịch phái sinh lãi suất (hoán đổi tiền tệ chéo, hóan đổi lãi suất);
- Các công cụ tài chính khác được giao dịch trên thị trường chính thức thỏa mãn yêu cầu của sổ Kinh doanh.

Đơn vị: tỷ đồng

Bảng 10: Vốn yêu cầu cho RRTT	*Riêng lẻ*	*Hợp nhất*
Vốn yêu cầu cho rủi ro lãi suất	142	142
Vốn yêu cầu cho rủi ro giá cổ phiếu	-	-
Vốn yêu cầu cho rủi ro ngoại hối	6	6
Vốn yêu cầu cho rủi ro giá hàng hóa	-	-
Vốn yêu cầu cho rủi ro cho các giao dịch quyền chọn	-	-
Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường	**148**	**148**
Tài sản tính theo rủi ro thị trường	**1.848**	**1.848**

ABBANK

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN AN BÌNH

Số 36 Hoàng Cầu, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Hà Nội

www.abbank.vn 18001159

www.facebook.com/nganhanganbinh/

abbank_anbinh abbank- ngân hàng an bình